

Số: 1066/2017/QĐST-HC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm;

Xét thấy: Ngày 18/11/2016, Ông Lê Minh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 28/UBND ngày 09/01/2015, Văn bản số 906/UBND ngày 30/5/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và yêu cầu hủy một phần các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1202/QSĐĐ-SX ngày 24/5/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1451/QSĐĐ-SX ngày 09/10/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phạm Thị Kim L và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2055/QSĐĐ-SX ngày 22/12/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Vũ Thị N.

Ngày 22/12/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án giữa người khởi kiện ông Lê Minh T với người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2017, ông Lê Minh T trình bày ông nhận được Văn bản số 906/UBND ngày 30/5/2012 vào khoảng tháng 12/2012 và Văn bản số 28/UBND ngày 09/01/2015 vào khoảng tháng 9/2015. Đối với các giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Kim L và bà Vũ Thị N, ông Lê Minh T được biết kể từ lúc nhận được Văn bản số 906/UBND ngày 30/5/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 11/4/2017, Tòa án nhận được đơn xin rút toàn bộ ý kiến của bản tự khai ngày 10/4/2017. Theo đơn, ông T trình bày ông không xác định được chính xác ngày, tháng, năm nhận được Văn bản số 28/UBND ngày 09/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Việc ông T khai không xác định được cụ thể ngày, tháng, năm nhận được Văn bản số 28/UBND phù hợp với lời khai tại bản tự khai ngày 10/4/2017 là ông chỉ nhớ nhận được Văn bản số 28/UBND vào khoảng tháng 9/2015. Như vậy có căn cứ xác định ông T nhận được Văn bản số

28/UBND vào khoảng tháng 9/2015.

Xét, tính từ ngày ông Lê Minh T nhận và biết được các quyết định hành chính bị khởi kiện đến ngày ông T nộp đơn khởi kiện là ngày 18/11/2016 đã quá thời hạn một năm, thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 306/2016/TLST-HC ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” giữa:

Người khởi kiện: Ông Lê Minh T, sinh năm 1968

Địa chỉ: xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng Hải, sinh năm 1955.

Địa chỉ: thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số công chứng 000985 lập ngày 14/11/2016 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thanh, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Cùng địa chỉ: thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Trương Tiến T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Văn N1 – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính.

Hoàn trả cho ông Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0031730 ngày 16/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thụy Vi